

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-TTg ngày 23/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 90/TTr-SCT ngày 20/3/2026. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sơn La, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Sơn La.

- Khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, nguồn nhân lực để phát triển chăn nuôi bò sữa và công nghiệp chế biến sữa, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững.

- Nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm sữa; góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và bảo đảm an ninh dinh dưỡng.

2. Yêu cầu

- Bám sát các mục tiêu, định hướng của Trung ương và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ của các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan.

- Huy động tối đa các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng ngành công nghiệp chế biến sữa trên địa bàn tỉnh phát triển bền vững với chuỗi giá trị ngành sữa hoàn chỉnh từ khâu phát triển đàn bò sữa, tăng sản lượng sữa tươi nguyên liệu đến chế biến thành phẩm giá trị gia tăng cao. Ngành sữa đáp ứng cơ bản nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và tham gia ngày càng sâu trong chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng sữa khu vực và toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Giai đoạn đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đối với sản phẩm sữa trên địa bàn tỉnh khoảng 129,9%/năm.

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu phục vụ chế biến đạt khoảng 200 triệu lít/năm.

b. Giai đoạn đến năm 2035:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đối với sản phẩm sữa trên địa bàn tỉnh khoảng 108,4%/năm.

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu phục vụ chế biến đạt khoảng 300 triệu lít/năm.

c. Tầm nhìn đến năm 2045:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đối với sản phẩm sữa trên địa bàn tỉnh khoảng 105,9%/năm.

- Sản lượng sữa tươi nguyên liệu phục vụ chế biến đạt khoảng 400 triệu lít/năm.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi

- Rà soát, quy hoạch vùng chăn nuôi bò sữa tập trung tại các khu vực có điều kiện thuận lợi như: phường Thảo Nguyên, phường Vân Sơn, phường Mộc Châu, xã Vân Hồ, xã Mai Sơn, xã Yên Châu, xã Chiềng Hặc, xã Lóng Phiêng, xã Yên Sơn, xã Phiêng khoáng.

- Chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng cỏ, phát triển trang trại bò sữa.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng giống bò sữa.

- Phát triển các mô hình liên kết chuỗi giá trị giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp chế biến sữa.

2. Phát triển công nghiệp chế biến sữa

- Thu hút đầu tư các nhà máy chế biến sữa hiện đại, thân thiện môi trường.

- Khuyến khích doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm sữa.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3. Phát triển thị trường tiêu thụ

- Đẩy mạnh tuyên truyền cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu.

4. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Tổ chức các hoạt động truyền thông về chủ trương, chính sách phát triển ngành sữa.

- Quảng bá thương hiệu sữa Sơn La.

- Tuyên truyền về giá trị dinh dưỡng và an toàn thực phẩm của sữa.

5. Bảo đảm an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sữa nguyên liệu và sản phẩm chế biến theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử đối với các sản phẩm sữa chủ lực.

6. Khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong chăn nuôi và chế biến sữa.

- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành sữa.

7. Bảo vệ môi trường

- Triển khai các giải pháp xử lý chất thải chăn nuôi bò sữa.

- Kiểm soát nước thải và khí thải tại các cơ sở chế biến sữa.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế, chính sách

- Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm sữa trên cơ sở các quy định hiện hành. Thúc đẩy hình thành các liên kết theo chuỗi giá trị bền vững giữa nông dân - hợp tác xã - doanh nghiệp và giữa các tổ chức sản xuất - chế biến - phân phối bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành sữa, cơ sở sản xuất, chế biến phải có phòng thí nghiệm được trang bị các thiết bị đo lường, kiểm nghiệm đồng bộ để bảo đảm phân tích nguyên liệu đầu vào, các thành phẩm. Kết quả phân tích, kiểm nghiệm trong sản xuất, chế biến sản phẩm sữa phải được lưu trữ tại doanh nghiệp, đồng thời truyền dữ liệu về trung tâm của các cơ quan có thẩm quyền để quản lý chất lượng sản phẩm theo thời gian thực và truy xuất nguồn gốc khi có sự cố về an toàn thực phẩm.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và thói quen trong sử dụng sản phẩm sữa. Đẩy mạnh thực thi các quy định về bảo vệ môi trường trong chuỗi giá trị ngành sữa, kiểm soát nghiêm các cơ sở vi phạm, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Về thị trường

a. Thị trường trong nước

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra, nghiên cứu, dự báo thị trường và xúc tiến thương mại để có dữ liệu đầy đủ, chính xác và kịp thời về thị trường; từ đó, hỗ trợ cho doanh nghiệp trong ngành nắm bắt được đầy đủ thông tin thị trường phục vụ cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Khuyến khích doanh nghiệp ngành sữa xây dựng mạng lưới phân phối; tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế để các doanh nghiệp có nhiều cơ hội giới thiệu, quảng bá sản phẩm cũng như hiểu rõ xu thế tiêu dùng của thị trường, đặc biệt là các thị trường mới; hỗ trợ một số hoạt động trong công tác mở rộng thị trường phân phối sản phẩm trên các địa bàn thành thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Tăng cường cơ chế kiểm soát chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường trong nước để chống hàng lậu, hàng kém chất lượng; quản lý về nội dung ghi nhãn mác, quảng cáo, tiếp thị các sản phẩm sữa (nhất là sữa công thức cho trẻ em) tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong ngành, bảo đảm đúng pháp luật và đúng theo chuẩn quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” một cách hiệu quả để sản phẩm của ngành sữa có được thị trường nội địa bền vững. Theo đó, xây dựng hình ảnh sản phẩm sữa trong nước với các tính năng ưu việt như chất lượng cao, an toàn thực phẩm, giá cả cạnh tranh, phù hợp với điều kiện tiêu dùng, đặc biệt chú trọng sữa cho chương trình bữa ăn học đường có sữa tươi để phát triển thể chất người Việt.

b. Thị trường xuất khẩu

- Tập trung nâng cao năng lực tiếp cận và mở rộng thị trường bao gồm cả thị trường đầu vào phục vụ sản xuất chế biến, thị trường đầu ra sản phẩm ngành sữa, trong đó đặc biệt chú ý tới các thị trường mới, giàu tiềm năng.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và tổ chức các kênh phân phối đa dạng kết hợp với thiết lập các chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; khuyến khích các doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thương mại thông qua các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, các đoàn công tác của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường xuất khẩu, đặc biệt chú trọng tới nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng của các thị trường tiềm năng lớn tạo cơ sở cho việc phát huy các lợi thế so sánh của ngành để làm ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của các thị trường. Đối với các sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu về chất lượng khác với quy chuẩn Việt Nam thì phải thể hiện rõ sản phẩm được dành cho thị trường đó.

- Thiết lập hệ thống thông tin thị trường trong khu vực và toàn cầu, thông qua văn phòng đại diện Thương mại Việt Nam để có thể dự báo, cập nhật thường xuyên và nhanh chóng nhu cầu thị trường về sữa ở trong khu vực và trên thế giới.

3. Về doanh nghiệp sản xuất, chế biến sữa

- Tập trung thu hút, đầu tư các dự án tổ hợp trang trại bò sữa tập trung hỗn hợp chăn nuôi nông hộ theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trên nền tảng khép kín chuỗi giá trị ngành sữa. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sữa và khoa học công nghệ chăn nuôi nhằm tạo sinh kế cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội khu vực nông thôn.

- Chú trọng xây dựng và phát triển rộng khắp hệ thống đại lý và tiêu thụ sản phẩm, phát huy vai trò của các chi nhánh nhằm tăng tính chủ động trong phân phối, kinh doanh sản phẩm. Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm đáp ứng nhanh nhu cầu tiêu dùng để không ngừng đưa ra thị trường sản phẩm mới, đa dạng về chủng loại, mẫu mã kết hợp nâng cao chất lượng nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm và nâng cao vị thế của doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp trong đó tập trung nhiều hơn cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo ra sản phẩm sản lượng lớn, chất lượng cao.

- Triển khai áp dụng các bộ tiêu chuẩn trong quản lý và sản xuất, kết hợp với xây dựng, rà soát và có cơ chế giám sát chặt chẽ hệ thống các định mức chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho việc hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường tính liên kết giữa các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, bổ sung nguồn lực, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh. Tham gia vào các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề để kết nối các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Phát triển hạ tầng logistics lạnh và trung tâm thu gom, bảo quản sữa tươi để bảo đảm chất lượng sữa tươi nguyên liệu, tăng hiệu quả thu mua và giảm chi phí logistics.

4. Về nghiên cứu khoa học công nghệ và áp dụng quy chuẩn tiêu chuẩn

- Khuyến khích doanh nghiệp tăng cường hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát huy sáng kiến kỹ thuật, nhằm tạo ra các giải pháp công nghệ tiên tiến; phát triển giống bò sữa nội địa chất lượng cao, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời phát triển các dòng sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng trong nước và quốc tế nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu.

- Đẩy mạnh áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến trong sản xuất, chế biến và quản trị doanh nghiệp, gắn liền với đổi mới công nghệ, hiện đại hóa thiết bị. Ưu tiên ứng dụng các giải pháp tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm chi phí sản xuất và tăng khả năng kiểm soát chất lượng, quản lý quy trình công nghệ, qua đó cải thiện chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chế biến sữa.

- Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào toàn bộ chuỗi sản xuất và chế biến sữa, khuyến khích các doanh nghiệp tiếp nhận và áp dụng vào thực tiễn sản xuất các kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến thiết bị, máy móc, chế phẩm, phụ gia, hương liệu, công nghệ bảo quản và chế biến sữa, nhằm nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của sản phẩm.

5. Về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành theo từng giai đoạn, trên cơ sở xác định cụ thể nhu cầu lao động ở mọi trình độ, gắn với định hướng phát triển ngành và cơ cấu sản xuất. Chú trọng công tác thu hút, đào tạo và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm bảo đảm đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh hội nhập và đổi mới công nghệ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành chủ động bố trí nguồn lực tài chính, tăng tỷ lệ đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật. Nâng cao năng lực tiếp cận, vận hành hiệu quả các hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện đại, ứng dụng mô hình quản trị tiên tiến, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và tăng hiệu quả sản xuất.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, quản trị công nghệ và tiếp nhận chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo và bồi dưỡng nhân lực thông qua các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, các chương trình liên kết đào tạo với các doanh nghiệp lớn trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng và năng lực sản xuất cho đội ngũ lao động trong toàn ngành.

- Tăng cường bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm và quản lý an toàn thực phẩm cho đội ngũ nhân sự trong toàn chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu dùng sản phẩm sữa. Bảo đảm mọi khâu từ sản xuất nguyên liệu, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm đều tuân thủ nghiêm ngặt quy định về an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và nâng cao uy tín sản phẩm sữa của tỉnh Sơn La.

6. Phát triển bền vững ngành công nghiệp chế biến sữa

- Đẩy mạnh lựa chọn áp dụng công nghệ chế biến tiên tiến; chú trọng công nghệ sản xuất sạch hơn, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh những chất thải có tác động tiêu cực đến môi trường; kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất sữa nguyên liệu và chế biến sản phẩm sữa.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn và bảo vệ môi trường của các đơn vị, doanh nghiệp; đồng thời nâng cao chất lượng kiểm định máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu sản xuất để bảo đảm nghiêm ngặt về an toàn sản xuất, an toàn lao động. Trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường tại cơ sở sản xuất, nhà máy chế biến sữa, bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về môi trường.

- Thúc đẩy phát triển mô hình sản xuất xanh trong chế biến sữa, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, phát triển sản phẩm theo hướng tăng trưởng xanh. Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong sản xuất và tiêu dùng, góp phần thực hiện các cam kết quốc gia về bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm sữa.
- Quản lý hoạt động sản xuất công nghiệp chế biến sữa trên địa bàn tỉnh.
- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì triển khai phát triển chăn nuôi bò sữa và vùng nguyên liệu.
- Hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển ngành sữa.
- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi và chế biến sữa.
- Hỗ trợ xây dựng, phát triển nhãn hiệu, thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm sữa.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị tổng hợp dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và phù hợp với khả năng ngân sách địa phương.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp tuyên truyền về dinh dưỡng học đường; nghiên cứu triển khai các chương trình sữa học đường phù hợp.

6. Sở Y tế

Tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm sữa lưu thông trên thị trường.

7. Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về phát triển ngành sữa.
- Giới thiệu các mô hình chăn nuôi bò sữa hiệu quả, doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành sữa.
- Quảng bá hình ảnh và thương hiệu sản phẩm sữa Sơn La.

8. UBND các xã, phường: Thảo Nguyên, Vân Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Mai Sơn, Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Phiêng Khoài và các địa bàn có phát triển chăn nuôi bò sữa

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia phát triển chăn nuôi bò sữa theo định hướng của tỉnh.

- Hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh.

- Phối hợp với doanh nghiệp xây dựng các mô hình liên kết sản xuất – thu mua – tiêu thụ sữa nguyên liệu.

9. Các doanh nghiệp, công ty sản xuất và chế biến sữa trên địa bàn tỉnh

- Chủ động đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng công nghệ hiện đại.

- Liên kết với nông dân và hợp tác xã để phát triển vùng nguyên liệu ổn định.

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước; các Sở, ban, ngành, đơn vị, huy động từ nguồn tài trợ, nguồn vốn doanh nghiệp, hợp tác xã và xã hội hóa hợp pháp khác của pháp luật về ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các Sở, ngành và đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ trước ngày 20/12 hàng năm báo cáo kết quả về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Biên KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công